

**THE CURRENT STATUS OF  
INTEGRATING UNIVERSAL DESIGN  
FOR LEARNING (UDL) IN INCLUSIVE  
EDUCATION FOR CHILDREN WITH  
DISABILITIES: A SURVEY OF  
TEACHERS IN PRIMARY SCHOOLS**

Nguyen Thi Cam Huong<sup>\*1</sup>,  
Nguyen Hai Yen<sup>2</sup>, Nguyen Ha My<sup>1</sup>  
and Nguyen Thi Hoa<sup>1</sup>

<sup>1</sup>*Faculty of Special Education, Hanoi National  
University of Education, Hanoi city, Vietnam*

<sup>2</sup>*Mosaic Communications and Training  
Company Limited, Hanoi city, Vietnam*

<sup>\*</sup>Corresponding author: Nguyen Thi Cam Huong,  
e-mail: [nch19381@hnue.edu.vn](mailto:nch19381@hnue.edu.vn)

Received November 19, 2024.

Revised December 4, 2024.

Accepted December 13, 2024.

**Abstract.** Universal Design for Learning (UDL) is very suitable for active learning orientation and inclusive teaching perspective for students with disabilities. This study aims to understand the current status of inclusive education for children with disabilities according to the Universal Design for Learning approach of primary school teachers through a survey of 66 teachers in 4 provinces across the country. The results of this study show that most teachers do not know about UDL (43.94% of teachers have never heard of UDL), but in fact, teachers have applied the principles of UDL in the teaching process regularly in the way of assessing students, sometimes applying it in determining teaching objectives, content, presentation methods, conveying information to students, determining teaching aids, forms of activities and ways to encourage students. Inclusive teaching using the UDL approach by teachers is happening naturally in some elements of the teaching process, but teachers need to improve their understanding and skills in applying UDL to implement inclusive teaching more effectively.

**Keywords:** Universal Design for Learning (UDL), inclusive teaching, children with disabilities.

**THỰC TRẠNG DẠY HỌC HÒA NHẬP  
CHO TRẺ KHUYẾT TẬT THEO  
HƯỚNG TIẾP CẬN THIẾT KẾ  
PHỔ QUÁT CHO VIỆC HỌC (UDL)  
CỦA GIÁO VIÊN TIỂU HỌC**

Nguyễn Thị Cẩm Hương<sup>\*1</sup>,  
Nguyễn Hải Yến<sup>2</sup>, Nguyễn Hà My<sup>1</sup>  
và Nguyễn Thị Hoa<sup>1</sup>

<sup>1</sup>*Khoa Giáo dục Đặc biệt, Trường Đại học Sư  
phạm Hà Nội, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

<sup>2</sup>*Công ty TNHH Truyền thông và Đào tạo  
Mosaic, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

<sup>\*</sup>Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Cẩm Hương,  
e-mail: [nch19381@hnue.edu.vn](mailto:nch19381@hnue.edu.vn)

Ngày nhận bài: 11/19/2024.

Ngày sửa bài: 4/12/2024.

Ngày nhận đăng: 13/12/2024.

**Tóm tắt.** Thiết kế phổ quát cho việc học (Universal Design for Learning - UDL) rất phù hợp với định hướng dạy học tích cực và quan điểm dạy học hòa nhập cho học sinh khuyết tật. Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu thực trạng tổ chức dạy học hòa nhập cho trẻ khuyết tật theo hướng tiếp cận UDL của giáo viên (GV) tiểu học hiện nay thông qua việc khảo sát ý kiến của 66 GV trong 4 tỉnh thành trên cả nước. Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết GV chưa biết về UDL (43,94% GV chưa từng nghe đến UDL) nhưng thực tế các GV đã áp dụng các nguyên tắc của UDL trong quá trình dạy học: áp dụng HS thường xuyên trong các cách thức đánh giá, thỉnh thoảng áp dụng trong việc xác định mục tiêu, nội dung dạy học, phương pháp trình bày, truyền tải thông tin tới HS, xác định phương tiện đồ dùng dạy học, hình thức hoạt động và cách khích lệ động viên HS. Việc dạy học hòa nhập theo hướng tiếp cận UDL của GV đang diễn ra một cách tự nhiên, ở một vài thành tố của quá trình dạy học nhưng GV cần được nâng cao hiểu biết và kỹ năng áp dụng UDL nhằm thực hiện dạy học hòa nhập một cách hiệu quả hơn nữa.

**Từ khóa:** Thiết kế phổ quát cho việc học (UDL), dạy học hòa nhập, trẻ khuyết tật.

# 1. Mở đầu

Giáo dục phổ thông, trong đó có giáo dục tiểu học ở Việt Nam đang thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện. Theo đó, GV phải thực hiện dạy học tích cực, lấy HS làm trung tâm, dạy học phát triển năng lực người học và phát huy tính tích cực của HS. Việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đang tạo điều kiện thuận lợi cho việc giáo dục hòa nhập trẻ em khuyết tật.

Tỉ lệ HS khuyết tật đi học đúng độ tuổi ở Việt Nam hiện đạt 81.7% (UNICEF, 2018) [1]. Tuy nhiên, tỉ lệ HS khuyết tật đi học hòa nhập cấp tiểu học chỉ đạt 31,4% (dựa trên tính toán từ Số liệu của GSO (2019) và GSO&UNFPA, 2016) [2], [3]. Trong khi đó, chỉ có 1/7 GV được đào tạo để dạy học cho HS khuyết tật (UNICEF, 2018) [1]. GV dạy hòa nhập và HS khuyết tật học hòa nhập đang ngày càng gặp nhiều khó khăn trong việc đảm bảo sự tham gia và chất lượng dạy học.

Universal Design (Thiết kế tổng thể hoặc Thiết kế phổ quát) là những thiết kế giúp mọi người với năng lực, khả năng tiếp cận khác nhau có thể sử dụng các công trình, vật dụng một cách phổ biến hơn, do đó cũng có ý nghĩa là các thiết kế phổ dụng, nhằm giúp tất cả mọi người có thể tiếp cận và sử dụng các thiết kế đó. Trong giáo dục, Thiết kế phổ quát cho việc học (Universal Design for Learning - UDL) là một tập hợp các nguyên tắc để phát triển chương trình dạy học mang đến cho mọi cá nhân cơ hội học tập như nhau, phát huy khả năng của HS với đặc điểm hết sức đa dạng (CAST, 2018) [4].

UDL cung cấp kế hoạch chi tiết để tạo ra các mục tiêu dạy học, phương pháp, tài liệu, cách đánh giá phù hợp với tất cả mọi người. UDL không phải một giải pháp duy nhất phù hợp tất cả mà là các phương pháp tiếp cận linh hoạt có thể được tùy chỉnh cho từng nhu cầu cá nhân (trích theo UNICEF, 2014) [5]. UDL đề xuất 3 nguyên tắc trong thiết kế bài dạy: Đa dạng trong cách trình bày và cung cấp nội dung bài học (Nguyên tắc 1); Đa dạng trong cách thể hiện của HS (Nguyên tắc 2); Đa dạng trong cách kích thích sự tham gia của HS (Nguyên tắc 3). Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, UDL được áp dụng trong tất cả các thành tố của quá trình dạy học gồm: Thiết kế mục tiêu bài dạy, xác định nội dung bài học, xác định phương pháp – phương tiện dạy học và cách đánh giá trong dạy học (Nguyễn Thị Cẩm Hoàng và cộng sự, 2022) [6].

Việc nghiên cứu nhằm làm sáng tỏ thực trạng hiểu biết về UDL và thực trạng dạy học theo hướng tiếp cận UDL của GV tiểu học trong lớp hòa nhập cho trẻ khuyết tật hiện nay là điều kiện quan trọng để đưa ra các đề xuất trong việc nâng cao kỹ năng áp dụng UDL trong dạy học hòa nhập nhằm thúc đẩy chất lượng giáo dục hòa nhập.

# 2. Nội dung nghiên cứu

## 2.1. Phương pháp và công cụ nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi với 3 phần nội dung: (1) Phần 1: Thông tin chung của GV, (2) Phần 2: Thực trạng hiểu biết và tổ chức dạy học hòa nhập cho HS khuyết tật theo định hướng UDL. Các item trong mục này được đề xuất trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Cẩm Hoàng và cộng sự (2022) [6], được xác định dựa trên các hướng dẫn của CAST (2018) [4].

Các nội dung điều tra được thiết kế thành các câu hỏi trong phiếu điều tra gồm 63 items theo thang đo Likert 5 mức độ: 1: Hoàn toàn không sử dụng, 2: Rất ít sử dụng, 3: Thỉnh thoảng sử dụng, 4: Thường xuyên sử dụng, 5: Rất thường xuyên sử dụng; với câu hỏi về thực trạng nhận thức, thang đo Likert 5 mức độ gồm: 1: Không biết, 2: Biết rất ít, 3: Biết một chút, 4: Biết khá nhiều, 5: Biết rất nhiều.

Nội dung đo và độ tin cậy của các nội dung đo được kiểm định bằng hệ số Cronbach's Coefficient alpha. Kết quả cho thấy các miền đo đều có độ tin cậy cao (Bảng 1).

**Bảng 1. Kết quả kiểm định hệ số Cronbach's Coefficient alpha của các nội dung điều tra**

| Các nội dung đo                            | Mẫu GV (N) | Hệ số tin cậy Alpha |
|--------------------------------------------|------------|---------------------|
| Mục tiêu, nội dung dạy học                 | 66         | 0,96                |
| Cách thức truyền tải thông tin và nội dung | 66         | 0,93                |
| Phương tiện, đồ dùng dạy học               | 66         | 0,79                |
| Cách thể hiện, trình bày của HS            | 66         | 0,93                |
| Hình thức tham gia của HS                  | 66         | 0,87                |
| Cách thức đánh giá                         | 66         | 0,94                |
| Hình thức khuyến khích HS tham gia         | 66         | 0,93                |

Công cụ đo được thiết kế thành phiếu khảo sát online trên Google Form và thực hiện thu thập dữ liệu từ tháng 3 năm 2022 đến tháng 4 năm 2022.

Các dữ liệu đã thu thập được xử lý bằng thống kê toán học: Phần mềm Excel, SPSS Statistics 19.0 và phần mềm R.

## 2.2. Phương pháp chọn mẫu

Khách thể khảo sát được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện, là các GV tiểu học ở các địa phương đang dạy hòa nhập cho trẻ khuyết tật từ lớp 1 đến lớp 5. Tổng số 68 GV tham gia nghiên cứu, có 66 mẫu hợp lệ.

66 GV tham gia khảo sát của 4 tỉnh và thành phố: Hà Nội (chiếm 57,58), Thái Bình (28,79%), TP Hồ Chí Minh (10,60%), Sơn La (3,03%). Số lượng GV nam ít, hầu hết là các GV nữ (chiếm 95,45%). Các GV có kinh nghiệm dạy hòa nhập trẻ khuyết tật dưới 2 năm chiếm đa số (68,18%). Số lượng GV dạy trẻ rối loạn phổ tự kỉ là nhiều nhất (chiếm 39,39%) sau đó là GV dạy trẻ khuyết tật trí tuệ (37,88).

Các GV làm khảo sát chủ yếu được đào tạo trong lĩnh vực giáo dục tiểu học, đang dạy từ lớp 1 đến lớp 5, trong đó số GV dạy lớp 1 chiếm tỉ lệ cao nhất (31,82%). Đa số GV chưa được tham gia bồi dưỡng chuyên môn về giáo dục đặc biệt (chiếm 72,72%).

## 2.3. Kết quả nghiên cứu

### 2.3.1. Thực trạng hiểu biết của giáo viên về Thiết kế phổ quát cho việc học (UDL)

**Bảng 2. Số lượng và tỉ lệ GV biết về UDL**

|                         | Không biết | Biết rất ít | Biết một chút | Biết khá nhiều | Biết rất nhiều |
|-------------------------|------------|-------------|---------------|----------------|----------------|
| Số lượng GV biết về UDL | 29         | 26          | 10            | 1              | 0              |
| Tỉ lệ %                 | 43,94      | 39,39       | 15,15         | 1,51           | 0              |

Kết quả khảo sát cho thấy 43,94% các GV không biết về UDL, 39,39% biết rất ít và không có ai đã biết rõ về UDL (Bảng 2). Trong số các GV đã biết về UDL, cách tiếp cận thông tin về UDL của GV khá đa dạng, qua nhiều kênh khác nhau, tuy nhiên, phần lớn thông tin tiếp cận là qua nguồn Internet (Bảng 3).

**Bảng 3. Nguồn tiếp cận thông tin về UDL của GV**

|                                | Lớp tập huấn chuyên môn | Hội thảo, hội nghị | Tạp chí khoa học | Tivi, báo đài | Internet | Khác |
|--------------------------------|-------------------------|--------------------|------------------|---------------|----------|------|
| Số lượng GV                    | 4                       | 3                  | 3                | 11            | 30       | 3    |
| % (trên tổng số 37 GV đã biết) | 10,81                   | 8,1                | 8,1              | 29,72         | 81,08    | 8,1  |

**2.3.2. Thực trạng tổ chức dạy học hòa nhập cho học sinh khuyết tật theo định hướng UDL****a) Thực trạng xây dựng và thực hiện mục tiêu, nội dung dạy học trong lớp hòa nhập có học sinh khuyết tật theo định hướng UDL****Bảng 4. Mức độ xây dựng và thực hiện mục tiêu, nội dung dạy học trong lớp hòa nhập có HS khuyết tật theo định hướng UDL**

| Mục tiêu dạy học                                                                                                              | TB   | ĐLC  | Thứ bậc |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|---------|
| M1. Chia nhỏ thành nhiều cấp độ năng lực                                                                                      | 3,47 | 0,99 | 7       |
| M2. Mục tiêu học tập rõ ràng, có thể đo đếm, thực hiện được (SMART)                                                           | 3,50 | 1,04 | 4       |
| M3. Cho phép HS được điều chỉnh mục tiêu                                                                                      | 3,32 | 0,91 | 9       |
| N1. Chia nhỏ nội dung bài học thành các ý, các phần để tiếp cận từng bước một                                                 | 3,50 | 0,90 | 4       |
| N2. Dạy trước hoặc ôn tập trước một phần kiến thức nền tảng                                                                   | 3,27 | 0,92 | 10      |
| N3. Cung cấp tài liệu và cho HS tự tìm hiểu                                                                                   | 3,20 | 0,90 | 12      |
| N4. Hoạt động/nội dung học tập có tính ứng dụng vào thực tế                                                                   | 3,51 | 0,91 | 3       |
| N5. Hoạt động/nội dung học tập có liên quan đến sở thích của HS                                                               | 3,42 | 0,91 | 8       |
| N6. Hoạt động/nội dung học tập có tính chất thực hành, trải nghiệm, khám phá                                                  | 3,53 | 0,90 | 1       |
| N7. Hoạt động/nội dung học tập phù hợp/có sự liên hệ với cuộc sống của HS                                                     | 3,53 | 0,91 | 1       |
| N8. HS được đề xuất nội dung và nhiệm vụ học tập                                                                              | 3,27 | 1,04 | 11      |
| N9. Nhiệm vụ học tập trong nhóm là đồng đẳng và vừa sức (nhiệm vụ không bị thấp kém hơn so với các bạn, phù hợp với khả năng) | 3,48 | 0,88 | 6       |

*(M: Mục tiêu, N: Nội dung)*

Dựa trên mức độ xếp hạng của điểm trung bình, có thể thấy hiện nay GV chỉ thỉnh thoảng áp dụng các nguyên tắc UDL trong việc xác định mục tiêu và nội dung dạy học, với mức độ áp dụng không đồng đều. GV thường xuyên áp dụng nguyên tắc UDL vào việc xác định mục tiêu học tập rõ ràng, cụ thể (mục tiêu SMART) (M2), nhưng ít chú trọng tới việc phân hóa mục tiêu theo năng lực HS (M1) và trao quyền cho HS tự điều chỉnh mục tiêu (M3). Từ kết quả xếp hạng này, cũng có thể thấy rằng GV đã ưu tiên các nội dung mang tính thực hành, trải nghiệm và liên hệ với cuộc sống (N6, N7), nhưng ít cho phép HS đề xuất nội dung và tự tìm hiểu nội dung (N8). GV chưa chú trọng tới việc trao quyền chủ động để HS xác định mục tiêu và nội dung học tập. Nhìn chung, các nguyên tắc UDL vẫn đang ở mức áp dụng thỉnh thoảng và cần cải thiện để đạt hiệu quả cao hơn.

**b) Thực trạng sử dụng những cách thức truyền đạt thông tin và nội dung trong lớp hòa nhập có học sinh khuyết tật theo định hướng UDL****Bảng 5. Mức độ sử dụng những cách thức truyền đạt thông tin và nội dung trong lớp hòa nhập có HS khuyết tật theo định hướng UDL**

| Cách thức truyền tải thông tin và nội dung                                                 | TB   | ĐLC  | Thứ bậc |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|---------|
| B1. Lời nói kết hợp hình vẽ/sơ đồ/biểu đồ, kí hiệu hoặc tranh, ảnh in (bao gồm cả kí hiệu) | 3,35 | 0,99 | 8       |
| B2. Sử dụng bảng phụ kết hợp với lời nói trong quá trình dạy học                           | 3,47 | 0,89 | 5       |

|                                                                                                            |      |      |   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|---|
| B3. Lời nói kết hợp phụ đề video                                                                           | 3,38 | 0,94 | 6 |
| B4. Lời nói kết hợp tranh, ảnh, phim trên phương tiện công nghệ (máy tính, điện thoại chiếu trên màn hình) | 3,53 | 0,93 | 4 |
| B5. Gạch chân/bôi đậm/sử dụng phần màu để làm nổi bật thông tin quan trọng                                 | 3,67 | 0,97 | 3 |
| B6. Lời nói/âm thanh kết hợp phương tiện, đồ dùng để có thể chậm, sò, có cảm giác rung                     | 3,36 | 0,92 | 7 |
| B7. Giải thích rõ ràng                                                                                     | 3,76 | 0,84 | 1 |
| B8. Hướng dẫn chi tiết để HS hiểu rõ                                                                       | 3,68 | 0,86 | 2 |

*(B: Biện pháp)*

Dựa trên điểm trung bình của các mục có thể thấy: GV thường xuyên sử dụng một kênh tín hiệu để truyền tải thông tin, nội dung hơn là sử dụng nhiều kênh tín hiệu phối với nhau. Trong đó, GV đang chú trọng nhiều nhất vào việc dùng lời để truyền tải thông tin tới HS (B7 và B8). GV cũng đã sử dụng các phương tiện trực quan làm nổi bật thông tin quan trọng (như gạch chân, bôi đậm, sử dụng phần màu) (B5, B4) để tăng cường hiệu quả truyền đạt. Các biện pháp truyền tải thông tin có tính chất sử dụng đa dạng cảm giác, trong đó có xúc giác chưa được tận dụng (B6) và sử dụng phối hợp các kênh thông tin lời nói với hình ảnh (B1, B2, B3, B4, B6) có mức độ sử dụng thấp nhất.

**c) Thực trạng sử dụng những phương tiện, đồ dùng để truyền đạt thông tin trong lớp hòa nhập học sinh khuyết tật theo định hướng UDL**

**Bảng 6. Mức độ sử dụng phương tiện, đồ dùng để truyền đạt thông tin trong lớp hòa nhập HS khuyết tật theo định hướng UDL**

| Phương tiện, đồ dùng dạy học                                             | TB   | ĐLC  | Thứ bậc |
|--------------------------------------------------------------------------|------|------|---------|
| C1. Đồ dùng công nghệ: máy tính, máy chiếu, con chuột, bàn phím, nút bấm | 3,57 | 0,89 | 1       |
| C2. Đồ dùng làm từ vật liệu khác nhau để tăng độ phân biệt               | 3,5  | 0,96 | 2       |
| C3. Phần mềm chuyển tải đổi giọng nói thành chữ/chữ thành giọng nói      | 2,97 | 1,16 | 5       |
| C4. Có thiết bị để phóng to hình ảnh, văn bản                            | 3,32 | 0,98 | 3       |
| C5. Có sự thay đổi sự tương phản của màn hình                            | 3,21 | 1,09 | 4       |

*(C: Công cụ, phương tiện)*

Mức độ áp dụng các nguyên tắc UDL trong việc lựa chọn và sử dụng các công cụ và thiết bị hỗ trợ trong dạy học ở mức độ thỉnh thoảng và không đồng đều. Nhìn chung, các công cụ công nghệ cơ bản sẵn có đã được GV tận dụng sử dụng thường xuyên hơn, trong khi các thiết bị hỗ trợ đặc biệt như phần mềm chuyển đổi giọng nói và thiết bị phóng to chưa được khai thác tối đa. GV thường xuyên sử dụng các đồ dùng công nghệ như máy tính, máy chiếu (C1) nhất, tiếp theo là việc sử dụng các đồ dùng làm từ vật liệu khác nhau (C2). Các công cụ hỗ trợ thị giác cũng được chú ý nhưng công cụ hỗ trợ chuyển đổi giọng nói thành chữ và ngược lại (C3) có điểm thấp nhất.

**d) Thực trạng tổ chức hoạt động học tập cho học sinh trong lớp hòa nhập theo định hướng UDL**

GV thỉnh thoảng áp dụng các nguyên tắc UDL vào các hình thức tổ chức hoạt động. GV cũng đã chú trọng cho HS được thay thế lời nói bằng cách viết, vẽ (H1, H3), cũng như đã cho HS thêm thời gian để phản hồi. GV đã có những nỗ lực sử dụng các hình thức khác truyền thống để thay thế hình thức biểu đạt cho HS và cho thêm điều kiện hợp lý về thời gian cho HS.

**Bảng 7. Mức độ tổ chức các hình thức hoạt động của HS theo định hướng UDL**

| Hình thức hoạt động của HS                                                                         | TB   | ĐLC  | Thứ bậc |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|---------|
| H1. Bài tập dạng viết thay thế bài tập dạng nói (hoặc ngược lại)                                   | 3,29 | 0,87 | 1       |
| H2. Bài tập trắc nghiệm (quiz, ...) online                                                         | 3,21 | 0,94 | 4       |
| H3. HS được thay thế lời nói bằng bài tập dạng vẽ hình, sơ đồ, tranh ảnh, mô hình (hoặc ngược lại) | 3,27 | 0,94 | 2       |
| H4. HS được thay thế lời nói bằng bài tập dạng quay video, ghi âm, audio...                        | 2,83 | 1,05 | 8       |
| H5. HS được thay thế lời phát biểu bằng cách diễn kịch, đóng vai                                   | 3,11 | 0,96 | 5       |
| H6. HS có thêm thời gian để chuẩn bị, lên kế hoạch hoạt động                                       | 3,26 | 0,92 | 3       |
| H7. HS có bảng danh sách các công việc (bằng chữ hoặc sơ đồ) để thực hiện và rà soát               | 3,06 | 0,99 | 7       |
| H8. Có lịch biểu/thời gian biểu hoặc đồng hồ nhắc thời gian để phán đoán các hoạt động             | 3,09 | 1    | 6       |

(H: Hình thức hoạt động)

Việc sử dụng các hình thức sáng tạo như quay video hầu như không được ưa chuộng ở các lớp hòa nhập (H4). Nguyên nhân có thể là do: số lượng HS trong lớp hòa nhập đông, việc quay video và ghi âm đòi hỏi các em phải sử dụng các công nghệ, hoặc có thể do việc phản hồi bằng việc quay video có thể gây khó khăn cho HS vì các em chưa thể tự thực hiện được một mình,... Các hình thức hoạt động trao quyền cho HS được rà soát công việc (H7) phán đoán các hoạt động (H8) ít được chú trọng nhất.

**e) Thực trạng các hình thức khuyến khích sự tham gia của học sinh theo định hướng UDL****Bảng 8. Mức độ sử dụng các hình thức khuyến khích sự tham gia của HS theo định hướng UDL**

| Hình thức tham gia của HS                                                                   | TB   | ĐLC  | Thứ bậc |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|---------|
| T1. HS được lựa chọn hình thức học tập trong một hoạt động (hoạt động nhóm hoặc cá nhân...) | 3,33 | 0,86 | 6       |
| T2. HS được lựa chọn hình thức thể hiện (bằng lời hoặc bằng hình vẽ.)                       | 3,42 | 0,82 | 5       |
| T3. HS có GV hoặc bạn kèm cặp khi cần thiết                                                 | 3,48 | 0,81 | 4       |
| T4. GV hướng dẫn và khuyến khích HS tìm kiếm sự giúp đỡ từ GV và bạn bè                     | 3,56 | 0,77 | 2       |
| V1. Bàn ghế dễ di chuyển, lối đi dễ dàng để di chuyển, đi lại                               | 3,65 | 0,81 | 1       |
| V2. Môi trường ít tiếng ồn, ít hình ảnh ngoài lề gây xao lãng                               | 3,50 | 0,81 | 3       |

(T: Tích cực hóa; V: Môi trường vật chất)

GV thỉnh thoảng áp dụng các nguyên tắc UDL trong cách khuyến khích động viên HS trong học tập. GV chú trọng sắp đặt bàn ghế và lối đi dễ dàng di chuyển (V1) nhất. Tiếp theo, GV chú

trọng khuyến khích và hướng dẫn HS tìm kiếm sự giúp đỡ từ GV và bạn bè (T4). Mặc dù hình thức cho phép HS lựa chọn phương pháp học tập (hoạt động nhóm hoặc cá nhân) (T1) và hình thức thể hiện (bằng lời hoặc bằng hình vẽ) (T2) chỉ được đánh giá ở mức thấp hơn, nhưng vẫn phản ánh nỗ lực của GV trong việc tạo động lực học tập cho HS. Nhìn chung, giáo viên hiện nay đã có thể linh hoạt phối hợp các cách thức sắp đặt môi trường để có thể thu hút được sự chú ý của HS, tạo động lực đầu vào cho việc học cho tất cả HS trong lớp hòa nhập.

**g) Thực trạng đánh giá HS trong lớp hòa nhập trẻ khuyết tật theo định hướng UDL**

**Bảng 9. Mức độ sử dụng các biện pháp đánh giá HS theo định hướng UDL**

| Cách thức đánh giá HS                                                  | TB   | ĐLC  | Thứ bậc |
|------------------------------------------------------------------------|------|------|---------|
| K1. Có lời nhắc nhở, hướng dẫn HS                                      | 3,62 | 0,85 | 4       |
| K2. Có sự khen ngợi cho cá nhân HS                                     | 3,76 | 0,84 | 2       |
| K3. Đa dạng cách đánh giá chấm điểm hoặc hình ảnh                      | 3,71 | 0,80 | 3       |
| K4. Đánh giá nhấn mạnh tới nỗ lực, gợi ý cải tiến và nhắc nhở mục tiêu | 3,71 | 0,78 | 3       |
| K5. Đánh giá thường xuyên, kịp thời                                    | 3,79 | 0,79 | 1       |
| K6. Có nhận xét tích cực (gợi ý cải thiện, không so sánh)              | 3,76 | 0,80 | 2       |

*(K: Kiểm tra, đánh giá)*

Thực trạng của khâu kiểm tra/đánh giá được các GV thực hiện rất tốt và có mức độ áp dụng các nguyên tắc UDL ở mức thường xuyên. GV sử dụng phối hợp rất nhiều cách để có thể thu được kết quả của HS một cách khách quan và chính xác nhất. Điển hình như việc Kiểm tra thường xuyên và kịp thời (K5), theo đó là việc nhận xét nhắc nhở, hướng dẫn, khuyến khích tích cực tới HS (K6) việc thể hiện điểm số hay lời nhận xét cũng được GV chú trọng (K3, K4). Ngoài ra, GV còn đánh giá dựa trên sự nỗ lực trong học tập của HS mà có thể quan sát được hoặc thể hiện thông qua các sản phẩm học tập.

**2.3.3. Một số bàn luận**

Kết quả nghiên cứu cho thấy việc áp dụng các nguyên tắc của UDL trong dạy học hòa nhập hiện nay còn hạn chế và không đồng đều. GV đã thường xuyên áp dụng nguyên tắc UDL trong việc kiểm tra, đánh giá HS nhưng chưa thường xuyên áp dụng trong việc xác định mục tiêu, nội dung, sử dụng phương tiện, đồ dùng dạy học và hình thức hoạt động, cách thức khuyến khích, khích lệ HS.

GV chú trọng xác định mục tiêu học tập rõ ràng nhưng chưa chú trọng vào phân hóa mục tiêu theo năng lực HS. Nội dung dạy học chủ yếu tập trung vào hoạt động thực hành, trải nghiệm và liên hệ cuộc sống. Đây là những yếu tố thuận lợi cho việc tăng cường ý nghĩa và hứng thú tham gia học tập của cả HS khuyết tật và HS không khuyết tật. Nhưng GV vẫn chưa chú trọng trao quyền cho các em tự điều chỉnh mục tiêu, đề xuất nội dung và tự tìm hiểu nội dung học tập. Điều này có thể hạn chế khả năng tự học và sáng tạo của các em HS trong lớp, đặc biệt trong môi trường hòa nhập.

Trong các hình thức truyền tải thông tin, nội dung dạy học, GV chủ yếu dùng lời nói và các phương tiện trực quan, trong khi các phương pháp sử dụng giác quan xúc giác và đặc biệt là phối hợp các cách truyền đạt nội dung còn hạn chế. Việc sử dụng một kênh tín hiệu để truyền tải thông tin thay vì kết hợp nhiều kênh cũng có thể làm giảm tính hiệu quả trong việc thu hút sự chú ý của HS.

Trong việc lựa chọn và sử dụng công cụ hỗ trợ, GV đã khai thác tốt các đồ dùng công nghệ cơ bản như máy tính và máy chiếu, nhưng vẫn chưa tối ưu hóa việc sử dụng các thiết bị hỗ trợ đặc biệt, như phần mềm chuyển đổi giọng nói và thiết bị phóng to.

Về tổ chức hoạt động học, GV đã cho phép sử dụng một số hình thức tham gia hoạt động có tính chất thay thế lời nói bằng viết hoặc vẽ, chuyển đổi cách thức tham gia nhưng vẫn chưa khuyến khích hình thức sáng tạo sử dụng công nghệ như quay video.

Khâu kiểm tra, đánh giá được thực hiện tốt, nhưng cần chú trọng vào việc cho phép HS lựa chọn phương pháp học tập và hình thức thể hiện. GV sử dụng nhiều phương pháp để đánh giá khách quan và chính xác kết quả học tập của HS, từ việc kiểm tra thường xuyên đến nhận xét tích cực. Điều này cho thấy GV đã chú trọng đến sự nỗ lực và tiến bộ của HS, giúp tạo động lực học tập và khuyến khích HS phát triển. Điều này khá phù hợp với thực trạng GV tiểu học đã biết cách lựa chọn và xây dựng công cụ đánh giá HS trong nghiên cứu trước đây của Nguyễn Công Khanh và Đỗ Thị Hương (2019) [7].

Một điều đáng chú ý trong nghiên cứu này là nhiều GV chưa biết về UDL nhưng vẫn đang áp dụng các phương pháp, hình thức, nội dung dạy học theo các nguyên tắc UDL. Việc GV tự động áp dụng các nguyên tắc giống UDL phản ánh thực tế rằng việc tổ chức dạy học hòa nhập là dạy học đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của HS, là thực hiện UDL. Nói cách khác, các yếu tố thực hiện UDL đã nằm sẵn trong các yếu tố của dạy học hòa nhập, là điều kiện thuận lợi để triển khai thực hiện UDL trong thực tiễn. Để tăng cường hiệu quả dạy học hòa nhập hơn, cần thúc đẩy hơn nữa việc hướng dẫn và triển khai thực hiện các nguyên tắc UDL cho GV. Nếu GV chính thức được trang bị kiến thức và kỹ năng thực hiện UDL, GV càng có nhiều điều kiện để nâng cao hiệu quả dạy học hòa nhập cho trẻ khuyết tật nói riêng, cải thiện chất lượng giáo dục cho tất cả HS trong lớp.

### 3. Kết luận

Nghiên cứu đã làm rõ thực trạng tổ chức dạy học hòa nhập cho học sinh khuyết tật tại các trường tiểu học thông qua tiếp cận Thiết kế phổ quát cho việc học (Universal Design for Learning - UDL). Kết quả cho thấy, mặc dù phần lớn giáo viên chưa có nhận thức đầy đủ về UDL (43,94% chưa từng nghe đến UDL), nhưng các nguyên tắc của UDL đã được áp dụng một cách tự nhiên và rải rác trong quá trình dạy học hòa nhập, đặc biệt là trong khâu kiểm tra, đánh giá học sinh.

Các giáo viên tiểu học đã chú trọng thiết kế mục tiêu học tập rõ ràng và tích hợp nội dung thực hành, trải nghiệm gắn với đời sống trong các bài học. Tuy nhiên, việc phân hóa mục tiêu học tập, trao quyền chủ động cho học sinh, đa dạng hóa phương pháp truyền tải thông tin và sử dụng các công cụ hỗ trợ đặc biệt vẫn còn hạn chế. Bên cạnh đó, khả năng ứng dụng công nghệ sáng tạo như quay video và các phần mềm hỗ trợ học tập chuyên biệt chưa được khai thác tối ưu.

Mặc dù chưa hiểu biết nhiều về UDL, các giáo viên vẫn đang triển khai các nguyên tắc cốt lõi của UDL như một phản xạ tự nhiên trong dạy học hòa nhập. Điều này cho thấy mối tương đồng giữa dạy học hòa nhập và UDL, tạo nền tảng thuận lợi để thúc đẩy áp dụng UDL một cách có hệ thống.

Để cải thiện chất lượng giáo dục hòa nhập, nên tổ chức các hoạt động bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng áp dụng UDL cho giáo viên, giúp họ tối ưu hóa hiệu quả dạy học không chỉ cho học sinh khuyết tật mà còn cho mọi học sinh. Nghiên cứu cũng gợi ý cần mở rộng quy mô khảo sát và xây dựng chiến lược hỗ trợ toàn diện để tích hợp UDL vào giáo dục tiểu học Việt Nam, phù hợp với đổi mới giáo dục hiện nay.

**\*Lời cảm ơn:** Bài viết là một sản phẩm thuộc đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ, mã số B2023-SPH-12.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] UNICEF (2018). Children with disabilities in Viet Nam - Findings of Viet Nam's national survey on people with disabilities 2016-2017.
- [2] GSO-General Statistic Office of Vietnam (2019). *National Survey on People with Disabilities of General Statistics Office year 2016*. (<https://tgso.gov.vn/en/data-and-statistics/2019/03/vietnam-national-survey-on-people-with-disabilities-2016/>)
- [3] GSO - General Statistics Office of Vietnam and UNFPA (2016). Vietnam population forecast 2014-2029. ([https://vietnam.unfpa.org/sites/default/files/pub-pdf/PD\\_Tieng%20Viet\\_Chuyen%20khao\\_Du%20Bao%20Dan%20So%20Viet%20Nam\\_2016.pdf](https://vietnam.unfpa.org/sites/default/files/pub-pdf/PD_Tieng%20Viet_Chuyen%20khao_Du%20Bao%20Dan%20So%20Viet%20Nam_2016.pdf)).
- [4] Center for Applied Special Technologies (n.d.). (2018). *About UDL*. <http://www.cast.org/udl/>
- [5] UNICEF (2014). Access to School and the Learning Environment II – Universal Design for Learning – Webinar 11 – Companion Technical Booklet.
- [6] NTC Hường, PT Trang, BTH Vân & NH Yên (2022). Thiết kế phổ dụng trong học tập: Giải pháp thực hiện giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật. *Tạp chí Giáo dục*, 22(10), 29-34.
- [7] NC Khanh & ĐT Hường (2019). Năng lực lựa chọn và xây dựng công cụ đánh giá: Thực trạng và những vấn đề của giáo viên tiểu học. *Tạp chí khoa học - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 64(1), 3-15. DOI: 10.18173/2354-1075.2019-0001.